TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN LỨC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25-12-2023
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thiên Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Thuận

2. Bà Võ Thị Luynh Thuy

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngày 25 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 506/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 117/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2023; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Ấp 3A, xã P, huyện B, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Ấp 3A, xã P, huyện B, tỉnh Long An.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17/10/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Thanh T xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1999, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Long An ngày 23/5/2000. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc không hạnh phúc, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình

không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Bà và ông T đã ly thân nhau từ tháng 9/2022 cho đến nay. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, cuộc sống chung không thể tiếp tục được nên yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Thanh Tâm, sinh năm 2000 (đã trưởng thành), Nguyễn Thanh Trọng, sinh ngày 09/7/2014, hiện cháu Trọng đang sống với bà. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi cháu Trọng, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà và ông T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông T không có nợ chung.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Cháu Nguyễn Thanh Trọng có ý kiến trong trường hợp cha mẹ không còn chung sống với nhau thì có nguyện vọng được sống với mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Nguyễn Thị Hồng N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thanh T. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng N có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Thanh T đã được Tòa án thông báo và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia vụ án nhưng đều vắng mặt. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu ly hôn của bà N, Hội đồng xét xử thấy rằng;

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Nguyễn Thanh T xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống thì hai bên phát sinh mâu thuẫn. Nay bà N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với ông T. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà N có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, riêng ông T vắng mặt và không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của bà N. Từ đó, cho thấy ông T cũng không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, cuộc sống chung của bà N và ông T đã xảy ra mâu thuẫn trầm

trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N.

[2.2] Về con chung: Bà N và ông T có 02 (hai) con chung tên con chung tên Nguyễn Thanh Tâm, sinh năm 2000 (đã trưởng thành), Nguyễn Thanh Trọng, sinh ngày 09/7/2014. Sau khi ly hôn, bà N yêu cầu được nuôi cháu Trọng. Ông T vắng mặt và không có văn bản nêu ý kiến về vấn đề này. Xét thấy, hiện cháu Trọng đang sống với bà N, cuộc sống đã ổn định, hơn nữa, nguyện vọng của cháu Trọng là muốn sống với mẹ. Do đó, căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, giao cháu Trọng cho bà N được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N xác định giữa bà và ông T không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông T vắng mặt và không có văn bản nêu ý kiến về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng N về việc *"Ly hôn"* với ông Nguyễn Thanh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng N được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Nguyễn Thanh T có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Thanh Tâm, sinh năm 2000 (đã trưởng thành), Nguyễn Thanh Trọng, sinh ngày 09/7/2014. Sau khi ly hôn, bà N được quyền nuôi dưỡng cháu Trọng. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Toà án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo luật định.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Hồng N xác định giữa bà và ông Nguyễn Thanh T không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010476 ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện B.
- UBND xã P, huyện B.
- Các đương sự.
- Lưu HS, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Thiên Trang